

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-4-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ninh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hải

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú- Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Khu 7 (nay là khu T), xã Y, huyện C, Phú Thọ (có mặt)

Bị đơn: Anh Phan Đức P, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khu 7 (nay là khu T), xã Y, huyện C, Phú Thọ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phan Đức P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 21/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 7 (nay là khu T), xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm lao động tự do. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P nhiều lần đánh đuổi chị, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ giữa năm 2020, chị và anh P đã sống ly thân cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2021, anh Phan Đức P trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng cũng như lời trình bày của chị L, tuy nhiên theo anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khi chị L đi thuê tại Hà Nội và có quan hệ với người đàn ông khác, không chung thủy, anh đã khuyên bảo nhưng chị L không thay đổi mà bỏ đi luôn từ năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn thì anh không nhất trí vì anh vẫn còn tình cảm với chị L và anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2021 anh Phan Đức P trình bày: Do vợ anh là chị Nguyễn Thị L vẫn kiên quyết xin ly hôn thì quan điểm của anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị L và anh P trình bày vợ chồng có 02 con chung là Phan Hồng N- sinh ngày 25/3/2013 và Phan Thanh H- sinh ngày 05/5/2015. Hiện nay hai con đang ở với anh P. Nếu ly hôn, cả hai bên đều đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2021 cháu Phan Hồng Ngọc trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, không chung sống cùng nhau thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hai bên đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Đức P

Về con chung: Giao hai con chung là Phan Hồng N - sinh ngày 25/3/2013 và Phan Thanh H- sinh ngày 05/5/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, đề nghị của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh P bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, không tin tưởng nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm, không hòa hợp được. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến ai, cắt đứt mọi quan hệ. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, anh P đề nghị xin được đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh không có biện pháp nào nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh P xin vắng mặt. Tuy nhiên, trong thời gian giải quyết vụ án anh P nhận thấy không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh P.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy, hiện nay chị L và anh P đều làm lao động tự do, có nơi ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên xét thấy con chung của anh chị là cháu

Phan Hồng N có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Phan Thanh H hiện đang còn nhỏ (5 tuổi) là bé gái rất cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy nên giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo không chia cắt tình cảm chị em. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị L không yêu cầu. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung yêu cầu của đương sự là hoàn toàn phù hợp.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Đức P.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung là Phan Hồng N- sinh ngày 25/3/2013 và Phan Thanh H- sinh ngày 05/5/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phan Đức P không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003851 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ninh Thị Hồng